

Trong không khí sôi sục của thành phố Seattle chìm trong những cuộc biểu tình liên tục chống WTO, Tổng thống Mỹ Clinton đã mở đầu bài diễn văn của mình bằng một câu nói đùa rất "tiền tri": "Ông Mike Moore chính là người lý tưởng để điều khiển WTO do lẽ ông ấy có đầu óc khôi hài mà chúng tôi đang rất cần trong giờ phút này. Quý vị có để ý thấy ngay trước cuộc họp của chúng ta ông ấy quơ quơ một tấm bia trắng hay không? Chẳng qua ông ấy đang giúp cân chỉnh màu sắc các camera truyền hình. Lúc đó, ông ấy thì thảo với tôi rằng: căn cứ vào những gì đã xảy ra hôm qua - tức những vụ biểu tình, tổng cộng có đến 700 người biểu tình bị tạm giữ, chú thích của người viết bài (NVB) - chắc tấm bia trắng này chính là màu cờ của WTO quá".

Cuối cùng thì bản dự thảo thông cáo chung gồm 65 điều khoản, dài 15 trang lại được cất vào trong ngăn kéo và các cặp táp. Muốn gì hãy đợi sang năm đàm phán tiếp tại trụ sở Genève và trong từng điều khoản một chữ không đàm phán toàn bộ. Thật ra, hội nghị WTO Seattle đã hầu như chỉ là cuộc tranh cãi sát ván giữa một đẳng là Mỹ và một đẳng là châu Âu (EU) và các nước Bắc (phát triển), các nước khác (các nước Nam tức chậm phát triển), chỉ gọi là có mặt cho có, ngoại trừ Ấn Độ và Brazil. Tổng cộng chỉ khoảng 20 quốc gia hoặc khổng lồ về kinh tế hoặc khổng lồ về dân số mới là những người đối thoại thực sự trong các phòng họp chuyên đề nội thất màu xanh gọi là green rooms, 115 nước còn lại cứ việc... an tọa trong Ủy ban toàn thể (Committee of the whole) đợi bà

nông sản trồng từ các giống đã được cải tạo gen hay các loại thịt sử dụng các chất hóa học kích thích tăng trưởng trong chăn nuôi. Nguyên tắc "thận trọng" này của EU rất đáng lưu ý (bởi các nhà xuất khẩu nông, ngư sản Việt Nam) vì lẽ với nguyên tắc này, EU đòi cấm nhập khẩu bất cứ lương thực, nông sản nào mà nước sản xuất không chứng minh được tính chất không độc của sản phẩm đó trong khi Mỹ thì cho rằng nếu chưa chứng minh được rằng một sản phẩm quả thực là độc, thì không có lý do gì để cấm nhập khẩu sản phẩm đó. Riêng vấn đề trợ giá xuất khẩu nông sản, EU đòi thay thế từ ngữ "loại bỏ" (việc trợ giá) này bằng một từ ngữ khác, nhẹ nhàng hơn, co dãn hơn.

3. Nhật Bản đòi thêm vào trước cụm từ "trợ giá nông nghiệp" từ "tính đa chức năng" (multifunctionnalité)

TỪ HỘI NGHỊ WTO SEATTLE ĐẾN HỘI NGHỊ THƯỢNG ĐỈNH ASEAN VÀ HỘI NGHỊ CÁC TỔ CHỨC TÀI TRỢ HÀ NỘI 12.1999

DANH ĐỨC

Cờ trắng tức đầu hàng. Quả thật, hội nghị WTO Seattle đã kết thúc mà không đạt đến bất cứ một thỏa hiệp nào như đã mong muốn. Tối 11 giờ đêm thứ sáu 3.12.99, ngày cuối cùng của hội nghị WTO, Đại diện Thương mại Mỹ Barshefsky và Tổng giám đốc WTO Mike Moore đành phải nhất trí thôi không quyết định khởi động một vòng đàm phán mới về việc mở cửa thêm nữa thị trường thế giới, vòng đàm phán gọi là "thiên niên kỷ", mà chỉ hẹn sang năm mới tất cả gặp nhau lại tại Genève để tham khảo tiếp, tham khảo chứ chưa phải là đàm phán. Tại cuộc họp báo bế mạc, Đại diện thương mại Mỹ Barshefsky đành phải tuyên bố "những dị biệt và các vấn đề vẫn còn là quá lớn để giải quyết" và rằng "có ngồi lại cả đêm nay, thậm chí 5 ngày nữa, cũng chẳng được gì. Các chính phủ chưa sẵn sàng tiến bước".

Không phải những cuộc biểu tình, kể cả việc một nhóm hoạt động bảo vệ môi trường đột nhập vào đến tận phòng họp báo, đã khiến cho hội nghị WTO Seattle thất bại mà do những quan điểm và quyền lợi quá trái ngược nhau về những vấn đề trọng đại liên quan đến sự tồn vong hay thắng bại kinh tế của mỗi một trong số 135 nước thành viên WTO.

Charlene Barshefsky và Tổng giám đốc WTO Mike Moore tổng hợp các ý kiến tranh cãi từ các green rooms. Có thể tóm tắt các quan điểm các nước đối nghịch chủ chốt như sau:

1. Mỹ muốn vòng đàm phán sắp tới vừa thu hẹp vừa ngắn ngủi, chỉ kéo dài trong 3 năm và dứt điểm những vấn đề mà vòng đàm phán Uruguay của GATT còn để ngỏ như mở cửa thị trường dịch vụ và nông sản, bắt đầu là "loại bỏ" các trợ giá xuất khẩu nông nghiệp mà EU, đặc biệt với chính sách nông nghiệp chung PAC, và Nhật Bản vẫn đang dành cho nông dân của họ. Nhóm các gọi là "Cairns" gồm phần lớn là các nước đất rộng, người thưa, nông nghiệp phát triển qui mô lớn, nền sản xuất cao, giá thành hạ như Úc, Brazil, Argentina..., trái với Nhật Bản và EU đất hẹp người đông, và một nước tuy đất không rộng người không thưa nhưng đang trong hàng ngũ các nước xuất khẩu nông sản như Thái Lan, Malaysia, Philippines, Fidji... cũng cùng lập trường với Mỹ về vấn đề sau cùng này.

2. EU đòi đàm phán mở rộng ra đến cả các đề tài như mở cửa đầu tư quốc tế, chiếu cố đến những tiêu chí xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm nguyên tắc "thận trọng" trong các

hầu bảo vệ các chính sách tài trợ các chi phí mà nông dân Nhật, do ruộng đất ít ỏi, phải gánh chịu khi tuân hành các quy định bảo vệ môi trường và qui hoạch lãnh thổ.

4. Ấn Độ, Brazil, các nước Nam lớn nhất và đông dân nhất có mặt ở hội nghị này, cùng một số nước châu Á khác, đòi loại bỏ các qui định về chính sách xã hội, lao động theo tiêu chuẩn các nước Bắc, trong đó đáng kể nhất là EU. Tất nhiên, các nước châu Á hoan nghênh EU và Nhật Bản chống lại ý kiến loại bỏ các trợ cấp nông nghiệp của Mỹ và nhóm các nước đất rộng người thưa, gọi rằng đây chính là một hàng rào bảo hộ mới của Mỹ và các nước này.

5. Các nước châu Phi và một số nước Nam Mỹ thì la om tóe vì chẳng được dự bất cứ một phiên họp chuyên đề nào. Có đến 53 nước đoá, nếu có đạt đến một thỏa hiệp, thì các nước này cũng sẽ tẩy chay không ký vào thông cáo chung.

Dấu sao giữa Mỹ và EU cũng có chung một số ý kiến như WTO cần nói chuyện với các nước Nam về các tiêu chí xã hội và lao động như vai trò của các nghiệp đoàn, lao động trẻ em, lao động cưỡng bách...

Thật ra, hội nghị Seattle đã được dự báo là thất bại từ trước khi khai

mac. Những đàm phán cuối cùng giữa EU và Mỹ tại trụ sở WTO ở Genève trước đó đã không đi đến một nhượng bộ nào từ hai phía, khiến chính các vị nguyên thủ quốc gia cũng phải e dè từ chối không nhận lời mời đến dự của Tổng thống Mỹ Clinton. Các nước Nam cho dù yếu thế cũng đã, tại Genève trước đó, liên kết đưa ra yêu cầu tổng kết những thuận lợi, bất lợi của việc thực thi các thỏa thuận của vòng đàm phán Uruguay trước đã rồi mới bàn tiếp. Theo các nước Nam, những thuận lợi thì ít trong khi những bất lợi thì nhiều, trong khi thời gian "ăn hạn" cho các nước này tạm thời bảo hộ mậu dịch để bảo tồn một số lĩnh vực kinh tế có nguy cơ bị đe dọa là quá ngắn ngủi không kịp cho các nước này thích nghi.

Trong bối cảnh phiên chợ vớ WTO đó có thể nhìn lại hội nghị thượng đỉnh không chính thức ASEAN Manila trước đó mà đề tài "Một thị trường chung, một đồng tiền chung cho một Đông Á bao gồm 10 nước Đông Nam Á và 3 nước Đông Bắc Á" đã được nhiều phương tiện truyền thông của khu vực nhanh chóng loan đi một cách hồ hởi phấn khởi như là một khát vọng mới. Tất nhiên, viễn tượng Đông Á này mới chỉ ở giai đoạn "những khả năng" - nói theo cách nói của Tổng thống Philippines Estrada, và, để khát vọng này biến thành sự thực, các bộ trưởng ASEAN đã được giao nhiệm vụ bàn bạc về vấn đề này và báo cáo với các vị nguyên thủ quốc gia tại hội nghị thượng đỉnh ASEAN Singapore năm tới. Trong bầu không khí hồ hởi đó, không thể không đặt ra những câu hỏi như: Từ lúc nào và tại sao ASEAN hướng đến một "cộng đồng chung" Đông Á? Các nước Đông Bắc Á nghĩ gì cuộc "hôn nhân" với các nước

Đông Nam Á? Những vấn đề đặt ra cho từng nước ASEAN từ một viễn tượng Đông Á?... Câu trả lời cho những câu hỏi này lại tùy thuộc nơi một vấn đề then chốt: sự khác biệt về mức độ phát triển giữa các nước. Khi khoảng cách giữa những nước phát triển nhất và ít nhất trong ASEAN vẫn còn là quá lớn, không tránh khỏi những bất đồng về tốc độ phát triển ASEAN.

Mới đây thôi, trong một diễn văn đọc tại hội nghị "Đồng tiền chung cho Đông Á: Mong hay thực?" họp tại Penang (Malaysia) hôm 5.8.1999, Tổng Thư Ký ASEAN Severino, đã phát biểu: "Trong Kế hoạch Hành động Hà Nội, được công bố vào tháng 12.1998, các nhà lãnh đạo ASEAN đã chỉ thị tiến hành "nghiên cứu tính khả thi của việc thiết lập một đồng tiền chung cho ASEAN cùng hệ thống tỷ giá hối đoái liên hệ". Một ý kiến như thế cho thấy rằng một đồng tiền chung cho ASEAN còn lâu lắm mới trở thành một thực tế. Vẫn còn nhiều trở ngại phải vượt qua. Các nền kinh tế trong khu vực vẫn còn phải hoà nhập với nhau sao cho trọn vẹn. Các vấn đề về chủ quyền quốc gia (đối với tiền tệ và chính sách tiền tệ) cần phải được giải quyết. Các đối nghịch và hờn ghen lẫn nhau tồn tại từ lịch sử cần phải được vượt qua. Song, ý kiến trên cũng đồng thời cho thấy rằng các nhà lãnh đạo ASEAN đã quan tâm đến những khả năng tương lai của một đồng tiền chung. Các khả năng này đã xuất hiện nhờ nơi các tiến bộ trong sự hoà nhập giữa các nước trong khu vực và xuất phát từ cuộc khủng hoảng tài chính. Các nước ASEAN đã tiến hành những bước hợp tác với nhau trong lĩnh vực tài chính nhằm hướng đến việc thiết lập một đồng tiền

chung. Các nước ASEAN đã khuyến khích việc sử dụng các đồng tiền của khu vực trong thanh toán các giao dịch thương mại nội bộ ASEAN qua các thỏa thuận thanh toán song phương. Malaysia và Philippines đã ký kết với nhau một thỏa thuận như vậy. Các nước khác cũng đang tiến hành thương thuyết. Nhờ những thành tựu đã đạt trong việc hoà nhập kinh tế với nhau, ý tưởng một đồng tiền chung ASEAN, một liên hiệp thuế khoá và một thị trường chung, ít nhất nay cũng là một điều có thể nghĩ đến. Thế còn Đông Á thì sao? Không giống như ASEAN, hiện chưa có những thỏa thuận nào về việc các nền kinh tế Đông Á hoà nhập với nhau. Vẫn còn những dị biệt hầu như là không thể vượt qua được đang phân hoá Đông Á. ASEAN và Đông Bắc Á vẫn còn nhìn nhau từ góc độ của những khác biệt về cơ cấu kinh tế và về mức độ phát triển. Bản thân Đông Bắc Á vẫn còn phân hoá vì những mâu thuẫn trong lịch sử và các đối nghịch đương thời. Liệu đã phát triển hiện nay sẽ rút ngắn được khoảng cách giữa các nước Đông Á? Liệu các chuyển giao kỹ thuật cho các nước kém phát triển sẽ đủ để giúp rút ngắn khoảng cách đó? Liệu các nước này sẽ đủ khả năng tiếp thu kỹ thuật? Liệu các đối đầu mang tính chất lịch sử sẽ được vượt qua?"

Qua trích đoạn trên, có thể thấy không thể chỉ "ồn ào" suôn về một đồng tiền chung, một thị trường chung Đông Á. Các phát biểu đề dặt của các nhà lãnh đạo Đông Bắc Á tại hội nghị Manila cũng cho thấy một sự thận trọng không nhỏ. Vấn đề ở chỗ khoảng cách phát triển giữa Đông Bắc Á và Đông Nam Á nói chung còn là khá lớn. Ngay cả trong nội bộ



ASEAN khoảng cách phát triển cũng là không nhỏ. Ngay chính trong ASEAN đã phải đối diện với vấn đề khoảng cách này rồi, cũng đã nói đến những tốc độ khác nhau dành cho các nước, hướng hồ là với cả các nước Đông Bắc Á. Thế cho nên, khi một vài nước ASEAN, chủ yếu là những nước phát triển trung bình có quan hệ chặt chẽ với Nhật Bản, để xuống một sự liên kết với ba nước Đông Bắc Á (nói chung là phát triển nhanh hơn) trong một đồng tiền chung, một thị trường chung, điều đó có nghĩa những nước này muốn tách đi, mượn các nước Đông Bắc Á làm đầu tàu, mặc cho tốp các nước chậm phát triển có muốn lết dẹt theo sau cứ việc. Nếu so sánh 10 nước ASEAN với một đoàn xe và tổng sản lượng mỗi nước là tốc độ của nước đó, sẽ thấy đây là một đoàn xe khá lạ đời với hai tay đua chạy xe đua "thể thức 1" (tốc độ khoảng 200km/ giờ), bốn tay đua khác chạy xe đạp (tốc độ khoảng từ 10 đến 30 km/ giờ), bốn tay đua còn lại đi bộ chậm rãi (tốc độ khoảng 3km/ giờ). Trong những điều kiện đó, thử hỏi làm sao các tay đua "thể thức 1" có thể đợi hoặc mở tay "kéo" những người đi bộ? Nếu có muốn "kéo" nhau, ít nhất người đi bộ cũng phải trượt trên hai patin bằng không làm sao mà "kéo" choặng. Thành ra, khi sáu tay đua đầu tốp có muốn vọt lên bắt kịp đoàn xe Đông Bắc Á cũng là chuyện dễ hiểu. Một ý khác trong bài diễn văn nêu trên của ông TTK ASEAN Severino, "Các đối nghịch và hồ nghi lẫn nhau tồn tại từ lịch sử cần phải được vượt qua", đáng được lưu ý. Tân TTK ASEAN Severino không có lắm những hiểu biết "tình cảm" như người tiền nhiệm của mình, nên không ngần ngại "buông ra" những ý kiến về các "đối nghịch và hồ nghi từ lịch sử". Muốn hay không muốn, những "đối nghịch và hồ nghi từ lịch sử" vẫn còn mới mẻ, 10 năm trước vẫn còn thực tế hai khối với hai chế độ chính trị đối lập nhau, chưa "tiêu hoá" hết được. Thế cho nên, không lấy làm lạ khi một tuần báo lớn của châu Á là tờ Asiaweek số 5.11.99 lại gọi cuộc họp các nhà lãnh đạo ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia ở Vientiane hôm 20.10.1999 là "một hội kín". Chẳng qua, Asiaweek phản ánh phần nào những hồ nghi cũ.

Đến đây có thể trở lại một chi tiết của hội nghị WTO Seattle, như chi tiết Thái Lan, Malaysia, Philippines trong nhóm các nước "Cairns" cùng Mỹ, Úc, New Zealand... đòi bỏ trợ cấp cho nông nghiệp. Liệu, một mai khi đã gia nhập WTO, Việt Nam có đủ điều kiện cùng tham gia đòi bãi bỏ trợ cấp cho nông nghiệp? Cứ như những gì đang chứng kiến, như tình trạng nông dân càng được mùa, càng

lỗ lỗ, hoặc tình trạng năm nay trồng mía năm sau chặt mía, năm nay trồng cà phê năm sau chặt cà phê, năm nay trồng cao su năm sau chặt cao su... hoặc tình trạng trồng gia cầm, đường Trung Quốc tấn công trứng gia cầm, đường nội địa một cách dễ như bỡn... cho đến các vấn đề nan giải khác như tàn phá môi trường, phá rừng làm rẫy mùa này, mùa sau đất cạn màu lại phá rừng tiếp, hoặc đánh bắt cá bằng chất nổ, chích điện một cách đại trà... thì rõ ràng là chưa đến lúc Việt Nam có thể tham gia nhóm các nước chống trợ cấp nông nghiệp như Thái Lan, Philippines, Malaysia láng giềng trong ASEAN. Tại sao các nước này lại có thể tự cho phép mình "xa xỉ" bãi bỏ trợ cấp nông nghiệp đó? Có thể thấy, đầu sao các nước này cũng ở trong một mức độ phát triển cao hơn Việt Nam, tuy không phải là cao hẳn so với khu vực. Khoảng cách giữa tổng sản lượng nội địa bình quân trên 300 đôla đầu người/ một năm với cả ngàn đôla, thậm chí non ba ngàn đôla đầu người một năm là một khoảng cách rất lớn mà nếu qui ra thành thời gian, sẽ phải nhức đầu. Đơn giản thôi, từ con số không đây 200 đôla đầu người vào đầu thập niên, nay mới chỉ trên 300 đôla đầu người, không đạt nổi con số 400 đôla đầu người mà vào giữa thập niên chúng ta còn tranh luận xem là có nên ấn định như là chỉ tiêu phấn đấu hay không, cũng đã mất tròn một chục năm. Vậy để rút ngắn khoảng cách từ 700 đôla đến 2.700 đôla tổng sản lượng/ đầu người/ năm phải mất bao lâu? Khoảng cách đó dễ dàng nhìn thấy trước hết là việc các nước này, tùy mức độ phát triển, đã vượt hẳn chúng ta về các cơ sở hạ tầng, nhất là ở nông thôn. Người viết bài đã nhiều lần đi đường bộ từ Đông Bắc Thái xuống cực nam nước này, rồi qua Malaysia, bay qua Philippines, nên có thể cảm nhận khoảng cách cơ sở hạ tầng này, cho dù có thể đời sống người dân lao động các nước này không hơn gì người dân lao động Việt Nam mấy. Cơ sở hạ tầng ở nông thôn chính là tiền đề cho sự phát triển của những nước có dân số nông thôn lớn... Khi người dân miền núi, vùng sâu, vùng xa ở Việt Nam vẫn chưa biết đến những con đường bằng phẳng, chỉ ít cũng là đường cấp phối, cần đá đỏ, thì hàng hoá vẫn không tới tay họ, bằng cơ là vẫn có những vùng còn thiếu muối ăn, chứ khoan nói là hàng hoá của họ có ra đến phố chợ, cho dù là chợ huyện hay không. Một tình trạng thiếu thốn đường sá như thế chẳng khác gì cứ duy trì tình trạng "tự canh, tự tác, tự cung tự cấp" ở các vùng này. Không có đường sá đúng nghĩa, làm sao các giáo viên, cán bộ nông nghiệp, khoa học kỹ thuật, y tế, cho dù là trung cấp

dám từ bỏ phố chợ về đây nhận công tác để phát triển nông thôn? Thành ra, khi so sánh với các nước láng giềng vừa kể, vấn đề không đơn giản là đem xem các cao ốc Saigon Tower hay Landmark bao nhiêu tầng, có sánh với toà nhà Time Tower ở Bangkok, cặp toà nhà "sinh đôi" Petronas ở Kuala Lumpur hay các nhà cao tầng của Makati City trong thủ đô Metro-Manila của Philippines hay không. Nếu so sánh những phương tiện vật chất "đỉnh cao" đó, thì chẳng mấy khác biệt: sáng vào ngôi làm việc trong văn phòng máy lạnh ở Sài Gòn hay Hà Nội, trưa đi ăn "cơm trưa văn phòng", chiều đi nhậu Seafood máy lạnh, tối đi uống bia nhiều tầng nhạc phòng trà, chốc chốc dờ điện thoại đi động ra gọi... cũng chẳng kém ai. Song, đây mới chính là cái bẫy "dù dăng" của sự phát triển đô thị: những tiện nghi đó khiến người hưởng thụ quên rằng cái khoảng cách giữa tổng sản lượng bình quân trên 300 đôla đầu người/ năm với trên 1.000 đôla đầu người/ năm thực ra lớn như thế nào, nếu như cứ khu khu trong nội thành, không héo lánh ra ngoại thành, không nhìn vào bản đồ đường sá nông thôn. Báo chí thường so sánh các chiếc xe cỡ 300 triệu đồng "tiêu chuẩn" của một lãnh đạo huyện với 300 trăm con trâu cày. Đúng thôi, nhưng có lẽ cũng nên qui những chiếc xe 300 triệu đồng đó ra thành bao nhiêu km đường cấp phối để cho sọt rau, rổ trứng kịp đến chợ huyện dừng héo, dừng dập. Phát triển nông thôn chính là chìa khoá của sự phát triển của những nước dân số nông nghiệp chiếm đến gần 80% như Việt Nam. Chính vì thế mà trong những năm gần đây và sắp tới, đã thấy có những sự điều chỉnh trong chính sách phát triển cả từ phía Việt Nam đến phía các tổ chức tài trợ. Đây cũng là nội dung chủ yếu của hội nghị các tổ chức tài trợ cho Việt Nam trung tuần tháng 12 tại Hà Nội.

Sẽ là tự phỉnh nếu dừng lại ở dòng tít "Hội nghị nhóm tư vấn các nhà tài trợ cho Việt Nam cam kết viện trợ cho Việt Nam 2,1 tỷ đôla" (Tuổi Trẻ 16.12.1999), để rồi càng mất đọc mãi mới tìm thấy những chữ lí nhí ở trang 15: "Theo lời ông Steer (giám đốc WB tại Việt Nam), cũng còn ...". Cần phải đọc kỹ hơn các văn kiện của các tổ chức tài trợ để hiểu câu nói của ông Steer: "(Những cam kết tài trợ đó)... tùy thuộc vào khi nào chính phủ Việt Nam và chúng tôi đạt được những thỏa thuận chi tiết về việc thúc đẩy nhanh cải cách" để thấy đâu là những thách thức "đẩy nhanh cải cách" của năm 2000 và càng để ý thấy rằng đầu tư cho phát triển nông thôn chính là tự cứu mình.